

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ QUYỂN 5

Chương 2: KIẾT UẨN

Phẩm 3: BÀN VỀ HỮU TÌNH

*Trói buộc nhanh-chậm, lìa trói buộc,
Quả thâu nhiếp bảy-thành tựu ba,
Mất đi và sinh ra không sáu loại,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Ba cõi, mỗi cõi đều có hai bộ kiết, gọi là do kiến-tu mà đoạn.

Hỏi: Đối với hai bộ kiết do kiến-tu mà đoạn thuộc cõi Dục, có thể có tức khắc bị trói buộc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu đã lìa dục nhiễm, từ lúc lìa dục nhiễm mà lui sụt và mất ở cõi Sắc - Vô sắc, đến lúc sinh thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có thể có tức khắc lìa sự trói buộc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là lúc phạm phu lìa dục nhiễm.

Hỏi: Có thể có dần dần bị trói buộc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có dần dần lìa trói buộc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là đệ tử của Đức Thế Tôn, trước đã lìa kiết do kiến kia mà đoạn, sau lìa kiết do tu kia mà đoạn.

Hỏi: Đối với hai bộ kiết do kiến-tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, có thể có tức khắc bị trói buộc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu đã lìa sắc nhiễm, từ khi lìa sắc nhiễm mà lui sụt và mất ở cõi Vô sắc, đến lúc sinh thuộc cõi Sắc-Dục.

Hỏi: Có thể có lìa tức khắc lìa sự trói buộc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là lúc phạm phu lìa sắc nhiễm.

Hỏi: Có thể có dần dần bị trói buộc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có dần dần lìa trói buộc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là đệ tử của Đức Thế Tôn, trước đã lìa kiết do kiến kia mà đoạn, sau lìa kiết do tu kia mà đoạn.

Hỏi: Đối với hai bộ kiết do kiến-tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, có thể có tức khắc bị trói buộc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có tức khắc lìa trói buộc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có dần dần bị trói buộc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có dần dần lìa trói buộc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là đệ tử của Đức Thế Tôn, trước đã lìa kiết do kiến kia mà đoạn, sau lìa kiết do tu kia mà đoạn.

Hỏi: Kiết hết do kiến mà đoạn thuộc cõi Dục là thuộc về quả nào?

Đáp: Bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do tu mà đoạn thuộc cõi Dục là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán và Bất hoàn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do kiến mà đoạn thuộc cõi Sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết trừ hết do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do kiến mà đoạn thuộc cõi Vô sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Kiết hết do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

Có năm bộ kiết, gọi là kiết do kiến khổ mà đoạn cho đến kiết do tu mà đoạn.

Hỏi: Kiết hết do kiến khổ mà đoạn là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do kiến tập mà đoạn là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do kiến diệt mà đoạn là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do kiến đạo đoạn là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Kiết trừ hết do tu mà đoạn là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

Có chín bộ kiết, nghĩa là kiết do khổ pháp trí mà đoạn, cho đến kiết do tu mà đoạn.

Hỏi: Kiết hết do khổ pháp trí mà đoạn là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do khổ loại trí cho đến đạo pháp trí mà đoạn là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do đạo loại trí đoạn là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Kiết hết do tu mà đoạn là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

Có mười lăm bộ kiết, nghĩa là ba cõi, mỗi cõi đều có năm bộ. Kiết do kiến khổ mà đoạn, cho đến kiết do tu mà đoạn.

Hỏi: Kiết hết do kiến khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Dục là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do tu mà đoạn thuộc cõi Dục là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, A-la-hán và hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiến hết do kiến khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do kiến khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Vô sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Kiết hết do kiến đạo đoạn thuộc cõi Vô sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Kiết hết do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, mỗi một tùy miên

trừ hết là thuộc về quả nào?

Đáp: Trong ba kiết hữu thân kiết trừ hết là thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở. Như hữu thân kiết trừ hết trong ba kiết; nên biết. Hữu thân kiết trừ hết trong năm kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến-biên chấp kiết trừ hết trong năm kiến cũng vậy. Giới cấm thủ-nghi trừ hết, thuộc về bốn quả Sa-môn. Như trong ba kiết giới cấm thủ-nghi trừ hết, nên biết, ách-bộc hữu kiến trong bốn ách-bộc lưu, kiến thủ-giới cấm thủ trong bốn thủ, giới cấm thủ-chấp thật có thân này trói buộc trong bốn thứ trói buộc thân, giới cấm thủ-nghi trong năm kiết thuận phần dưới, tà kiến-kiến thủ và giới cấm thủ trong năm kiến, kiến và nghi tùy miên trong bảy tùy miên, kiến-thủ và nghi kiết trong chín kiết, trừ hết cũng như vậy.

Ba căn bất thiện trừ hết thuộc về quả Bất hoàn mà A-la-hán, hoặc Vô xứ sở. Như ba căn bất thiện trừ hết; nên biết dục lậu trong ba lậu, ách-bộc lưu dục trong bốn ách-bộc lưu, dục thủ trong bốn thủ, tham dục-giận dữ trong bốn thứ trói buộc thân, bốn cái trước trong năm cái, kiết giận dữ-kiết ganh tị-kiết keo kiệt trong năm kiết, tham dục-giận dữ trong năm kiết thuận phần dưới, mũi, lưỡi chạm xúc sinh ra ái thân trong sáu ái thân, dục tham-giận dữ trong bảy tùy miên, kiết giận dữ-kiết ganh tị-kiết keo kiệt tận trong chín kiết, trừ hết cũng như vậy.

Hữu lậu-vô minh trừ hết thuộc về quả A-la-hán. Như hữu lậu-vô minh trừ hết, nên biết hữu-vô minh ách và bộc lưu trong bốn ách-bộc lưu, ngã ngữ thủ trong bốn thủ, kiết tham-mạn trong năm kiết, trừ ra tham sắc còn lại bốn kiết trong năm kiết thuận phần trên, ý xúc chạm sinh ra ái thân trong sáu ái thân, hữu tham-vô minh-mạn trong bảy tùy miên, kiết ái-mạn-vô minh trong chín kiết, trừ hết cũng như vậy.

Cái nghi trừ hết thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở. Tham sắc thuộc kiết thuận phần trên trừ hết, thuộc về quả A-la-hán, hoặc Vô xứ sở. Như tham sắc thuộc kiết thuận phần trên trừ hết, nên biết sự chạm xúc của mắt-tai-thân sinh ra ái thân trừ hết, cũng vậy. Trong chín mươi tám tùy miên, tùy miên, do kiến khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Dục trừ hết, thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở; tùy miên, do tu mà đoạn thuộc cõi Dục thuộc về quả A-la-hán và Bất hoàn, hoặc Vô xứ sở; tùy miên do kiến khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc trừ hết, thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở; tùy miên, do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc trừ hết, thuộc về quả A-la-hán, hoặc Vô xứ sở; tùy miên do kiến khổ, tập, diệt mà đoạn thuộc cõi Vô sắc trừ hết, thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ sở; tùy miên, do kiến đạo đoạn thuộc cõi Vô

sắc trừ hết, thuộc về bốn quả Sa-môn; tùy miên, do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc trừ hết thuộc về quả A-la-hán.

Hỏi: Trong hương Dự lưu, các kiết trừ hết thuộc về quả nào?

Đáp: Vô xứ sở.

Hỏi: Các kiết trừ hết trong quả Dự lưu thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu.

Hỏi: Các kiết trừ hết trong hương Nhất lai thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Các kiết trừ hết trong quả Nhất lai thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai.

Hỏi: Các kiết trừ hết trong hương Bất hoàn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Các kiết trừ hết trong quả Bất hoàn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn.

Hỏi: Các kiết trừ hết trong hương A-la-hán thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Các kiết trừ hết trong quả A-la-hán thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy đầy đủ mà chưa lìa dục nhiễm. Các kiết trừ hết do tu mà đoạn thuộc cõi Dục là thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc Vô xứ sở.

Hỏi: Đã lìa dục nhiễm, chưa lìa sắc nhiễm, các kiết trừ hết do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, thuộc về quả nào?

Đáp: Vô xứ sở.

Hỏi: Đã lìa sắc nhiễm, chưa lìa nhiễm vô sắc, các kiết trừ hết do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc là thuộc về quả nào?

Đáp: Vô xứ sở.

Hỏi: Những người Dự lưu đã thành tựu pháp học thì pháp này thuộc về quả Dự lưu chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về quả Dự lưu.

Thế nào là thuộc về quả Dự lưu? Quả Dự lưu hữu vi đã đạt được không mất.

Thế nào là không thuộc về quả Dự lưu? Những người Dự lưu đã đạt được căn vô lậu thắng tiến cùng pháp hữu vi.

Hỏi: Nếu pháp thuộc về quả Dự lưu thì pháp này là pháp học chăng?

Đáp: Hoặc học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là học? Là quả Dự lưu hữu vi.

Thế nào là phi học phi vô học? Là quả Dự lưu vô vi.

Hỏi: Những người Nhất lai đã thành tựu pháp học, pháp này thuộc về quả Nhất lai chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về quả Nhất lai.

Thế nào là thuộc về quả Nhất lai? Quả Nhất lai hữu vi đã đạt được không mất.

Thế nào là không thuộc về quả Nhất lai? Những người Nhất lai đã đạt được căn vô lậu thắng tiến, cùng pháp hữu vi.

Hỏi: Nếu pháp thuộc về quả Nhất lai thì pháp này là pháp học chăng?

Đáp: Hoặc học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là học? Quả Nhất lai hữu vi.

Thế nào là phi học phi vô học? Quả Nhất lai vô vi.

Hỏi: Những người Bất hoàn đã thành tựu pháp học thì pháp này thuộc về quả Bất hoàn chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về quả Bất hoàn.

Thế nào là thuộc về quả Bất hoàn? Quả Bất hoàn hữu vi đã đạt được không mất.

Thế nào là không thuộc về quả Bất hoàn? Những người Bất hoàn đã đạt được căn vô lậu thắng tận cùng pháp hữu vi.

Hỏi: Già sử pháp thuộc về quả Bất hoàn thì pháp này là pháp học chăng?

Đáp: Hoặc học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là học? Quả Bất hoàn hữu vi.

Thế nào là phi học phi vô học? Quả Bất hoàn vô vi.

Hỏi: Các A-la-hán đã thành tựu pháp vô học thì pháp này thuộc về quả A-la-hán chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Già sử pháp thuộc về quả A-la-hán thì pháp này là pháp vô học chăng?

Đáp: Hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là vô học? Quả A-la-hán hữu vi.

Thế nào là phi học phi vô học? Quả A-la-hán vô vi.

Hỏi: Những người Dự lưu đã thành tựu pháp vô lậu thì pháp này thuộc về quả Dự lưu chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Quả Dự lưu vô vi-hữu vi đã đạt được không

mất.

Thế nào là không thuộc về? Những người Dự lưu đã đạt được căn vô lậu thắng tiến cùng pháp hữu vi, và các kiết trừ hết do họ đã chứng và phi trạch diệt người Dự lưu đã thành tựu.

Hỏi: Già sử pháp thuộc về quả Dự lưu thì pháp này là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Những người Nhất lai đã thành tựu pháp vô lậu, thì pháp này thuộc về quả Nhất lai chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Quả Nhất lai vô vi-hữu vi, đã đạt được, không mất.

Thế nào là không thuộc về? Những người Nhất lai đã đạt được căn vô lậu thắng tiến cùng các pháp hữu vi, và các kiết trừ hết do họ đã chứng, cùng phi trạch diệt mà người nhất lai đã thành tựu.

Hỏi: Già sử pháp thuộc về quả Nhất lai thì pháp này là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Những người Bất hoàn đã thành tựu pháp vô lậu, thì pháp này thuộc về quả Bất hoàn chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Quả Bất hoàn vô vi-hữu vi, đã đạt được, không mất.

Thế nào là không thuộc về? Những người Bất hoàn đã đạt được căn vô lậu thắng tiến cùng các pháp hữu vi, các kiết trừ hết do họ đã chứng và phi trạch diệt mà người Bất hoàn đã thành tựu.

Hỏi: Già sử pháp thuộc về quả Bất hoàn thì pháp này là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Các A-la-hán đã thành tựu pháp vô lậu thì pháp này thuộc về quả A-la-hán chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Quả A-la-hán vô vi-hữu vi đã đạt được không mất.

Thế nào là không thuộc về? Phi trạch diệt mà A-la-hán đã thành tựu.

Hỏi: Già sử pháp thuộc về quả A-la-hán, thì pháp này là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Các pháp mà người Dự lưu thành tựu thì pháp ấy thuộc về quả Dự lưu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có pháp do người Dự lưu thành tựu mà không phải thuộc về quả Dự lưu, nghĩa là người Dự lưu đã đạt được căn vô lậu thắng tiến cùng pháp hữu vi, cho đến các kiết trừ hết do người Dự lưu đã chứng, và pháp hữu lậu phi trách diệt mà người Dự lưu đã thành tựu.

2. Có pháp thuộc về quả Dự lưu mà không do người Dự lưu thành tựu, nghĩa là quả Dự lưu chưa đạt được đã mất.

3. Có pháp do người Dự lưu thành tựu, cũng thuộc về quả Dự lưu nghĩa là quả Dự lưu đã đạt được không mất.

4. Có pháp không do người Dự lưu thành tựu cũng không thuộc về quả Dự lưu, nghĩa là trừ các tướng ở trước.

Hỏi: Các pháp do người Nhất lai thành tựu thì pháp ấy thuộc về quả Nhất lai chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có pháp do người Nhất lai thành tựu mà không thuộc về quả Nhất lai, nghĩa là người Nhất lai đã đạt được căn vô lậu thắng tiến cùng pháp hữu vi, cho đến các kiết trừ hết mà họ đã chứng và pháp hữu lậu phi trách diệt mà người Nhất lai đã thành tựu.

2. Có pháp thuộc về quả Nhất lai, mà không do người Nhất lai thành tựu, nghĩa là quả Nhất lai chưa đạt được đã mất.

3. Có pháp do người Nhất lai thành tựu, cũng là quả Nhất lai, nghĩa là quả Nhất lai đã đạt được, không mất.

4. Có pháp chẳng phải do người Nhất lai thành tựu cũng chẳng phải thuộc về quả Nhất lai, nghĩa là trừ tướng ở trước.

Hỏi: Các pháp do người Bất hoàn thành tựu thì pháp ấy thuộc về quả Bất hoàn chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có pháp do người Bất hoàn thành tựu mà không thuộc về quả Bất hoàn, nghĩa là người Bất hoàn đã đạt được căn vô lậu thắng tiến cùng pháp hữu vi, cho đến kiết trừ hết mà họ đã chứng và pháp hữu lậu phi trách diệt mà người bất hoàn đã thành tựu.

2. Có pháp là quả Bất hoàn mà do người Bất hoàn thành tựu, nghĩa là quả Bất hoàn chưa đạt được đã mất.

3. Có pháp do người Bất hoàn thành tựu cũng thuộc về quả Bất hoàn, nghĩa là quả Bất hoàn đã đạt được không mất.

4. Có pháp không do người Bất hoàn thành tựu cũng không thuộc về quả Bất hoàn, nghĩa là trừ các tướng ở trước.

Hỏi: Các pháp do người A-la-hán thành tựu thì pháp ấy là quả A-la-hán chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có pháp do A-la-hán thành tựu mà không thuộc về quả A-la-hán, nghĩa là A-la-hán thành tựu pháp hữu lậu phi trạch diệt.

2. Có pháp thuộc về quả A-la-hán mà không phải là A-la-hán thành tựu, nghĩa là quả A-la-hán chưa đạt, đã mất.

3. Có pháp do A-la-hán thành tựu mà cũng thuộc về quả A-la-hán, nghĩa là quả A-la-hán đã đạt được không mất.

4. Có pháp không do người A-la-hán mà thành tựu cũng không thuộc về quả A-la-hán, nghĩa là trừ các tướng ở trước.

Hỏi: Những người ở cõi Dục mất đi và sinh ra, đều thọ nhận dục hữu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có người ở cõi Dục mất đi và sinh ra mà không thọ nhận dục hữu, nghĩa là mất đi ở cõi Dục, khởi lên Trung hữu cõi Sắc.

2. Có người thọ nhận dục hữu mà không phải ở cõi Dục mất đi và sinh ra, nghĩa là mất đi ở cõi Sắc, khởi lên Trung hữu cõi Dục.

3. Có người ở cõi Dục mất đi và sinh ra cũng thọ nhận dục hữu, nghĩa là ở cõi dục mất đi, khởi lên Trung hữu và Sinh hữu của cõi Dục.

4. Có người không ở cõi Dục mất đi và sinh ra cũng không thọ nhận dục hữu, nghĩa là mất đi ở cõi Sắc, sinh ra thuộc cõi Vô sắc; ở cõi Vô sắc mất đi, sinh ra ở cõi Vô sắc-Sắc.

Hỏi: Những người ở cõi Sắc mất đi và sinh ra đều thọ nhận sắc hữu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có người ở cõi Sắc mất đi và sinh ra mà không thọ nhận sắc hữu, nghĩa là ở cõi Sắc mất đi, khởi lên Trung hữu của cõi Dục.

2. Có người thọ nhận sắc hữu mà không phải ở cõi Sắc mất đi và sinh ra, nghĩa là ở cõi Dục mất đi, khởi lên Trung hữu và Sinh hữu của cõi Sắc.

3. Có người ở cõi Sắc mất đi và sinh ra cũng thọ nhận sắc hữu, nghĩa là ở cõi Sắc mất đi, khởi lên Trung hữu và Sinh hữu của cõi Sắc.

4. Có người không ở tại cõi Sắc mất đi và đi-sinh ra cũng không thọ nhận sắc hữu, nghĩa là mất đi ở cõi Dục, sinh ra thuộc cõi Dục và ở cõi Vô sắc. Thuộc cõi Vô sắc mất đi và sinh ra ở cõi Vô sắc và cõi Dục.

Hỏi: Những người ở cõi Vô sắc mất đi và sinh ra đều thọ nhận vô sắc hữu chăng?

Đáp: Những người ở cõi Vô sắc mất đi và sinh ra đều thọ nhận vô sắc hữu. Có người thọ nhận vô sắc hữu, nhưng không phải ở cõi Vô sắc mất đi mà sinh ra ở cõi Vô sắc sinh ra. Nghĩa là ở cõi Dục và cõi Sắc mất đi, sinh ra ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Những người ở cõi Dục mất đi và sinh ra có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn, nghĩa là hàng phàm phu, bậc Thánh ở cõi Dục và cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở cõi Sắc mất đi và sinh ra có bao nhiêu loại?

Đáp: Có ba, nghĩa là hàng phàm phu ở cõi Dục, hàng phàm phu và bậc Thánh ở cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở cõi Vô sắc mất đi và sinh ra có bao nhiêu loại?

Đáp: Có hai, nghĩa là hàng phàm phu, bậc Thánh ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Những người không phải ở cõi Dục mất đi và sinh ra đều không thọ nhận dục hữu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có người không phải ở cõi Dục mất đi và sinh ra không phải là không thọ nhận dục hữu, nghĩa là ở cõi Sắc mất đi, khởi lên Trung hữu cõi Dục.

2. Có người không thọ nhận dục hữu mà không phải là không ở cõi Dục mất đi mà sinh ra, nghĩa là ở cõi Dục mất đi, khởi lên Trung hữu của cõi Sắc.

3. Có người không phải ở cõi Dục mất đi và sinh ra cũng không thọ nhận dục hữu, nghĩa là ở cõi Sắc mất đi, sinh ra ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, ở cõi Vô sắc mất đi, sinh ra ở cõi Vô sắc và cõi Sắc.

4. Có người không phải là không ở cõi Dục mất đi và sinh ra cũng không phải là không thọ nhận dục hữu, nghĩa là ở cõi Dục mất đi, khởi lên Trung hữu và Sinh hữu của cõi Dục.

Hỏi: Những người không phải ở cõi Sắc mất đi và sinh ra đều không thọ nhận sắc hữu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để biện giải:

1. Có người không phải ở cõi Sắc mất đi và sinh ra mà không phải là không thọ nhận sắc hữu, nghĩa là ở cõi Dục mất đi, khởi lên Trung hữu của cõi Sắc.

2. Có người không phải là thọ nhận sắc hữu mà không phải là không ở cõi Sắc mất đi và sinh ra, nghĩa là ở cõi Sắc mất đi, khởi lên

Trung hữu của cõi Dục.

3. Có người không phải ở cõi Sắc mất đi và sinh ra cũng không thọ nhận sắc hữu, nghĩa là ở cõi Dục mất đi, sinh ra ở cõi Dục-cõi Vô sắc; ở cõi Vô sắc mất đi, sinh ra ở cõi Vô sắc và cõi Dục.

4. Có người không phải là không ở cõi Sắc mất đi và sinh ra cũng không phải là không thọ nhận sắc hữu, nghĩa là ở cõi Sắc mất đi, khởi lên Trung hữu và Sinh hữu của cõi Sắc.

Hỏi: Những người không phải ở cõi Vô sắc mất đi và sinh ra đều không thọ nhận vô sắc hữu chăng?

Đáp: Những người không phải ở cõi Vô sắc mất đi và sinh ra đều không thọ nhận vô sắc hữu. Có người không thọ nhận vô sắc hữu mà không phải là không ở cõi Vô sắc mất đi, cũng không phải ở cõi Vô sắc sinh ra, nghĩa là ở cõi Vô sắc mất đi, sinh ra ở cõi Dục và cõi Sắc.

Hỏi: Những người không phải ở cõi Dục mất đi và sinh ra có bao nhiêu loại?

Đáp: Có năm, nghĩa là hàng phàm phu ở cõi Dục, hàng phàm phu ở cõi Sắc-Vô sắc, bậc Thánh ở cõi Sắc và Vô sắc.

Hỏi: Những người không phải ở cõi Sắc mất đi và sinh ra có bao nhiêu loại?

Đáp: Có sáu, nghĩa là hàng phàm phu ở ba cõi. Bậc Thánh ở ba cõi.

Hỏi: Những người không phải ở cõi Vô sắc mất đi và sinh ra có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn, nghĩa là hàng phàm phu ở cõi Dục- cõi Sắc, bậc Thánh ở cõi Dục- cõi Sắc.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Dục mất đi mà không sinh ở cõi Dục chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-cõi Sắc, sinh ở cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Dục mất đi mà không sinh ở cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-cõi Sắc, sinh ở cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Dục mất đi mà không sinh ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-cõi Sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Sắc mất đi mà không sinh ở cõi Sắc

chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-cõi Sắc, sinh ở cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Sắc mất đi mà không sinh thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-cõi Sắc, sinh ở cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Sắc mất đi mà không sinh ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-cõi Sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Vô sắc mất đi mà không sinh ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-cõi Sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Vô sắc mất đi mà không sinh ở cõi Dục chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-cõi Sắc, sinh ở cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Vô sắc mất đi mà không sinh ở cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-cõi Sắc, sinh ở cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Những người ở cõi Dục mất đi mà không sinh thuộc cõi Dục, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có sáu, nghĩa là hàng phàm phu nơi ba cõi, bậc Thánh ở ba cõi.

Hỏi: Những người ở cõi Dục mất đi mà không sinh ở cõi Sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có sáu. Tức hàng phàm phu nơi ba cõi. Bậc Thánh nơi ba cõi.

Hỏi: Những người ở cõi Dục mất đi mà không sinh ở cõi Vô sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn. Tức hàng phàm phu ở cõi Dục-cõi Sắc. Bậc Thánh ở cõi Dục-cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở cõi Sắc mất đi mà không sinh ở cõi Sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có năm, nghĩa là hàng phàm phu thuộc cõi Dục-cõi Sắc

và Vô sắc, bậc Thánh ở cõi Sắc-Vô sắc.

Hỏi: Những người ở cõi Sắc mất đi mà không sinh ở cõi Dục, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có năm, nghĩa là hàng phàm phu ở cõi Dục-cõi Sắc và Vô sắc, bậc Thánh ở cõi Sắc-Vô sắc.

Hỏi: Những người ở cõi Sắc mất đi mà không sinh thuộc cõi Vô sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có ba, nghĩa là phàm phu thuộc cõi Dục, Thánh giả, phàm phu ở cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở cõi Vô sắc mất đi mà không sinh ở cõi Vô sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có hai, nghĩa là phàm phu thuộc cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Những người ở cõi Vô sắc mất đi mà không sinh ở cõi Dục, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn, nghĩa là Thánh giả và phàm phu ở cõi Vô sắc, phàm phu ở cõi Dục-Sắc, có bao nhiêu loại?

Hỏi: Có bao nhiêu loại người mất đi ở cõi Vô sắc, không sinh thuộc cõi Sắc?

Đáp: Có bốn, nghĩa là Thánh giả và phàm phu ở cõi Vô sắc, phàm phu ở cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Dục mất đi mà không sinh ở ba cõi chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Sắc mất đi mà không sinh ở ba cõi chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Có thể có người ở cõi Vô sắc mất đi mà không sinh ở ba cõi chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Có bao nhiêu loại người mất ở cõi Dục mà không sinh nơi ba cõi?

Đáp: Có bốn, đó là Thánh giả và phàm phu ở cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu loại người mất ở cõi Sắc, không sinh ở ba cõi?

Đáp: Có ba, đó là phàm phu ở cõi Dục, Thánh giả mà phàm phu ở cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu loại người mất ở cõi Vô sắc mà không sinh nơi ba cõi?

Đáp: Có hai, đó là phàm phu ở cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Có thể có người chưa lìa dục nhiễm mà mạng chung không sinh ở cõi Dục chẳng?

Đáp: Có nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục.

Hỏi: Có thể có người chưa lìa sắc nhiễm mà mạng chung không sinh ở cõi Dục-Sắc chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Có thể có người chưa lìa nhiễm vô sắc mà mạng chung không sinh ở ba cõi chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là khởi lên Trung hữu của cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu loại người chưa lìa dục nhiễm mà mạng chung không sinh ở cõi Dục?

Đáp: Có hai, đó là Thánh giả và phàm phu ở cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu loại người chưa lìa sắc nhiễm mà mạng chung không sinh ở cõi Dục-Sắc?

Đáp: Có bốn, đó là Thánh giả và phàm phu ở cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu loại chưa lìa vô sắc nhiễm mà mạng chung không sinh nơi ba cõi?

Đáp: Có bốn, đó là hàng phàm phu ở hai cõi Dục-Sắc, bậc Thánh ở hai cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Thánh giả và phàm phu ở cõi Dục, có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Phàm phu có chín mươi tám tùy miên tùy tăng, chín kiết trói buộc. Thánh giả có mười tùy miên tùy tăng, sáu kiết trói buộc.

Hỏi: Thánh giả, phàm phu thuộc cõi Sắc, có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Phàm phu có sáu mươi hai tùy miên tùy tăng, sáu kiết trói buộc. Thánh giả có sáu tùy miên tùy tăng, ba kiết trói buộc.

Hỏi: Thánh giả, phàm phu thuộc cõi Vô sắc, có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Phàm phu có ba mươi một tùy miên tùy tăng, sáu kiết trói buộc. Thánh giả có ba tùy miên tùy tăng, ba kiết trói buộc.

Phẩm 4: BÀN VỀ MƯỜI MÔN, Phần 1

*Bốn mươi hai tùy miên tùy tăng,
Hai duyên phát sinh không gián đoạn,
Căn thành tựu không biết tác chứng,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hai mươi hai căn, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, năm thủ uẩn, sáu giới; pháp hữu sắc-vô sắc; pháp hữu kiến-vô kiến; pháp hữu đối-vô đối; pháp hữu lậu-vô lậu; pháp hữu vi-vô vi; pháp quá khứ-vị lai-hiện tại; pháp thiện-bất thiện, vô ký; pháp hệ thuộc cõi Dục-cõi Sắc-Vô sắc; pháp học-vô học-phi học phi vô học; pháp do kiến mà đoạn, tu mà đoạn, không có đoạn.

Bốn đế, bốn tính lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ, tám trí, ba Tam-ma-địa, ba lớp Tam-ma-địa, ba kiết, ba căn bất thiện, ba lậu, bốn bực lưu, bốn ách, bốn thủ, bốn sự trói buộc của thân, năm cái, năm kiết, năm kiết thuận phần dưới, năm kiết thuận phần trên, năm kiến, sáu ái thân, bảy tùy miên, chín kiết, chín mươi tám tùy miên.

Nhãn căn cho đến tùy miên vô minh thuộc cõi Vô sắc do tu mà đoạn.

Hỏi: Trong chín mươi tám tùy miên, mỗi một tùy miên có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Nhãn căn là biến hành thuộc cõi Dục-Sắc và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn. Nhĩ-tỷ-thiệt-thân căn cũng vậy. Nữ căn là biến hành thuộc cõi Dục và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn. Nam căn, khổ căn cũng vậy.

Mạng căn là biến hành của ba cõi và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn. Năm căn như tín v.v... cũng vậy. Tất cả ý căn tùy miên tùy tăng, xả căn cũng vậy. Lạc căn thuộc cõi Sắc, tất cả biến hành thuộc cõi Dục và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn.

Hỷ căn thuộc cõi Sắc, tất cả thuộc cõi Dục, trừ vô lậu duyên với nghi, và căn ấy tương ưng với vô minh, còn lại tất cả là tùy miên tùy tăng, ưu căn là tất cả tùy miên tùy tăng thuộc cõi Dục. Ba căn vô lậu không có tùy miên tùy tăng. Nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân, sắc, thanh, xúc, nhãn, nhĩ, thân, thức giới là biến hành thuộc cõi Dục-Sắc và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn. Nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân, sắc-thanh-xúc-xứ, sắc uẩn, sắc thủ uẩn-năm giới trước, pháp có sắc, có kiến, có đối cũng vậy. Hương-vị-tỷ-thiệt thức giới là biến hành thuộc cõi Dục, và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn. Hương-vị xứ cũng vậy. Ý pháp-ý thức giới là tất cả

tùy miên tùy tăng, ý pháp xứ-bốn uẩn sau-thức giới bốn thủ uẩn sau, vô sắc-vô kiến-vô đối pháp hữu lậu-hữu vi, pháp quá khứ-vị lai-hiện tại, phi học phi vô học cũng vậy. Pháp vô lậu-vô vi không có tùy miên tùy tăng. Pháp học-vô học và không có đoạn cũng vậy.

Pháp thiện và tu mà đoạn, biến hành thuộc ba cõi và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn, pháp bất thiện và pháp hệ thuộc cõi Dục, tất cả là tùy miên tùy tăng thuộc cõi Dục, pháp vô ký và tất cả thuộc cõi Sắc-Vô sắc, hai bộ thuộc cõi Dục và biến hành do kiến tập mà đoạn là tùy miên tùy tăng, pháp hệ thuộc cõi Sắc, tất cả tùy miên tùy tăng thuộc cõi Sắc, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc, tất cả là tùy miên tùy tăng thuộc cõi Vô sắc.

Pháp do kiến mà đoạn, tất cả là tùy miên tùy tăng do kiến mà đoạn. Tất cả tùy miên tùy tăng của khổ-tập-đế-diệt. Đạo đế không có tùy miên tùy tăng. Pháp loại khổ-tập-diệt-đạo trí, ba Tam-ma-địa cũng như vậy. Tất cả là tùy miên tùy tăng thuộc bốn tĩnh lự cõi Sắc, biến hành thuộc bốn vô lượng cõi Sắc, và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn.

Ba giải thoát trước, tám thắng xứ, tám biến xứ trước, tha tâm trí cũng vậy.

Bốn vô sắc thuộc cõi Vô sắc tất cả là tùy miên tùy tăng, năm giải thoát sau, hai biến xứ sau là biến hành thuộc cõi vô sắc, và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn.

Trí thế tục, trừ vô lậu duyên với kiến, còn lại tất cả là tùy miên tùy tăng.

Ba lớp Tam-ma-địa là biến hành của ba cõi và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn.

Kiết hữu thân kiến, tất cả do kiến khổ mà đoạn, và tùy miên tùy tăng, biến hành, do kiến tập mà đoạn kiết hữu thân kiến thuận phần dưới, hữu thân kiến và biên chấp kiến cũng vậy. Kiết giới cấm thủ do kiến khổ mà đoạn tất cả và biến hành do kiến tập mà đoạn, do kiến đạo mà đoạn duyên hữu lậu, tùy miên tùy tăng thuộc giới cấm thủ, và giới cấm thủ.

Thân hệ thuộc-kiết thuận phần dưới, giới cấm thủ cũng vậy. Kiết nghi, do kiến mà đoạn duyên hữu lậu và nghi tương ứng với vô minh duyên vô lậu. Nghi thuộc tùy miên tùy tăng, kiết thuận phần dưới, tùy miên nghi, kiết nghi cũng vậy.

Căn bất thiện tham-giận, duyên hữu lậu tùy miên tùy tăng thuộc cõi Dục, hai thứ trói buộc thân trước, hai cái trước, kiết sân, hai kiết trước thuộc kiết thuận phần dưới, hai tùy miên trước, kiết giận dữ cũng

vậy.

Căn bất thiện si thuộc cõi Dục, trừ vô minh duyên vô lậu, còn lại tất cả tùy miên tùy tăng.

Dục lậu thuộc cõi Dục là tất cả tùy miên tùy tăng. Dục bộc lưu-ách thủ, cái, hôn trầm, thụy miên, trạo cử cũng vậy.

Tất cả tùy miên tùy tăng thuộc cõi Vô sắc, sắc hữu lậu, hữu bộc-lưu ách, ngã ngữ thủ cũng vậy.

Vô minh lậu trừ vô minh duyên vô lậu, còn lại tất cả tùy miên tùy tăng, ách-bộc lưu vô minh, tùy miên vô minh, kiết vô minh cũng như vậy.

Kiến bộc lưu-ách do kiến mà đoạn duyên hữu lậu, và kiến tương ứng với vô minh duyên vô lậu, tùy miên tùy tăng. Kiến thủ-tà kiến-tùy miên kiến và kiết kiến cũng vậy.

Sự trói buộc do chấp thật có thân này, do kiến mà đoạn, tùy miên, tùy tăng, tùy tăng tùy miên kiến thủ, kiết thủ cũng vậy.

Cái ố tác là biến hành thuộc cõi Dục và kiết ganh tị-kiết keo kiệt thuộc tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn. Mũi-lưỡi xúc chạm sinh ái thân, kiết ganh tị-kiết keo kiệt cũng vậy.

Cái nghi thuộc cõi Dục do kiến mà đoạn duyên hữu lậu, và nghi tương ứng với vô minh duyên vô lậu, tùy miên tùy tăng.

Kiết tham-mạn duyên hữu lậu thuộc ba cõi là tùy miên tùy tăng; ý xúc chạm sinh ra ái thân, tùy miên mạn, kiết ái-mạn cũng vậy.

Tham sắc là biến hành thuộc cõi Sắc và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn. Tham vô sắc là biến hành thuộc cõi Vô sắc và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn. Ba kiết thuận phần trên ở phía sau là biến hành thuộc cõi Sắc-Vô sắc, và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn. Mắt-tai-thân xúc chạm sinh ra ái thân là biến hành thuộc cõi Dục-Sắc, và tùy miên tùy tăng do tu mà đoạn.

Tùy miên hữu tham là tùy miên tùy tăng duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc-vô sắc. Tùy miên thuộc cõi Dục do kiến khổ mà đoạn, tất cả do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Dục và tùy miên tùy tăng của biến hành do kiến tập mà đoạn. Tùy miên thuộc cõi Dục do kiến tập mà đoạn, tất cả do kiến tập mà đoạn thuộc cõi Dục, và tùy miên tùy tăng của biến hành do kiến khổ mà đoạn.

Tùy miên thuộc cõi Dục do kiến diệt mà đoạn, kiến diệt mà đoạn thuộc cõi Dục trừ vô minh bất cộng duyên vô lậu, còn lại tất cả tùy miên tùy tăng và biến hành. Tùy miên thuộc cõi Dục do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, trừ vô minh bất cộng duyên vô lậu, còn lại tất cả

tùy miên tùy tăng và biến hành. Tùy miên thuộc cõi Dục do tu mà đoạn. Tất cả do tu mà đoạn thuộc cõi Dục và tùy miên tùy tăng của biến hành. Năm bộ tùy miên tùy thuộc cõi Sắc-Vô sắc, nói rộng cũng vậy.

Sự sai biệt là nói theo cảnh giới của mình.

Nhãn căn cho đến tùy miên vô minh do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc duyên thức và duyên duyên thức.

Đáp: Nhãn căn duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-Sắc, biến hành thuộc cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi. Nhĩ-tỷ-thiệt-thân căn cũng vậy.

Nữ căn duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, biến hành thuộc cõi Sắc, và do tu mà đoạn; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành thuộc cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn. Nam căn và khổ căn cũng vậy.

Mạng căn duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi. Ý căn duyên thức và duyên duyên thức, duyên với hữu vi. Xả căn cũng vậy.

Lạc căn duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục, cõi Sắc duyên với hữu vi, hai bộ thuộc cõi Vô sắc, cùng với biến hành; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục-cõi Vô sắc, cõi Sắc duyên với hữu vi.

Hỷ căn duyên thức, có duyên hữu vi thuộc cõi Dục-cõi Sắc, hai bộ thuộc cõi Vô sắc, và biến hành; duyên duyên thức, có duyên hữu vi thuộc cõi Dục-cõi sắc, bốn bộ thuộc cõi Vô sắc.

Ưu căn duyên thức, có duyên hữu lậu thuộc cõi Dục, biến hành thuộc cõi Sắc, và do tu mà đoạn; duyên duyên thức, có duyên hữu vi thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành thuộc cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn.

Năm căn là tín..., duyên thức và duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi.

Ba căn vô lậu duyên thức, có hai bộ thuộc ba cõi, cùng với biến hành; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi.

Nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân-sắc-thanh-xúc giới duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, biến hành thuộc cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi.

Nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân-sắc-thanh-xúc xứ, sắc thủ uẩn, năm giới trước, pháp hữu tiến-hữu đối cũng vậy.

Hương-vị-tỷ-thiệt-thân giới duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, biến hành thuộc cõi Sắc, cùng với do tu mà đoạn, duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành thuộc cõi Vô sắc,

và do tu mà đoạn. Hương-vị xứ cũng vậy.

Nhãn-nhĩ-thân thức giới duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, hai bộ thuộc cõi Vô sắc, cùng với biến hành.

Ý giới-ý thức giới, duyên thức và duyên duyên thức, có duyên hữu vi.

Ý xứ, bốn uẩn sau, pháp hữu vi, pháp quá khứ-vị lai-hiện tại cũng vậy.

Pháp giới duyên thức, có tất cả thuộc ba cõi, duyên duyên thức, có duyên hữu vi.

Pháp xứ, pháp vô sắc-vô kiến-vô đối-thiện cũng vậy.

Sắc uẩn duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, hai bộ thuộc cõi Vô sắc, và biến hành; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi. Pháp hữu sắc cũng vậy.

Bốn thủ uẩn sau duyên thức, có duyên hữu lậu; duyên duyên thức, có duyên hữu vi.

Thức giới, pháp hữu lậu, pháp do kiến mà đoạn cũng vậy.

Pháp vô lậu duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi, cùng với biến hành; duyên duyên thức, có duyên hữu vi. Pháp vô đoạn cũng vậy.

Pháp vô vi duyên thức, có hai bộ thuộc ba cõi, cùng với biến hành, duyên duyên thức, có duyên hữu vi pháp bất thiện duyên thức, có duyên hữu lậu thuộc cõi Dục, biến hành thuộc cõi Sắc, và do tu mà đoạn; duyên duyên thức, có duyên hữu vi thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành thuộc cõi vô sắc, và do tu mà đoạn. Pháp hệ thuộc cõi Dục cũng vậy.

Pháp vô ký duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục có duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc-vô sắc; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục, có duyên hữu vi thuộc cõi Sắc-vô Sắc.

Pháp hệ thuộc cõi Sắc duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, có duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc, biến hành thuộc cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, duyên hữu vi thuộc cõi Sắc, bốn bộ thuộc cõi Vô sắc.

Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, duyên hữu lậu thuộc cõi vô sắc, duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc, duyên hữu vi thuộc cõi vô sắc.

Pháp học và vô học duyên thức, có hai bộ thuộc ba cõi, cùng với biến hành, duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi. Pháp phi học phi vô học duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi, và duyên hữu lậu do kiến

đạo mà đoạn; duyên duyên thức, có duyên hữu vi.

Pháp do tu mà đoạn duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi. Khổ-tập đế duyên thức, có duyên hữu lậu; duyên duyên thức, có duyên hữu vi.

Thế tục trí cũng vậy.

Diệt đế duyên thức, có hai bộ thuộc ba cõi, cùng với biến hành; duyên duyên thức, có duyên hữu vi. Đạo đế duyên thức, có hai bộ thuộc ba cõi, cùng với biến hành; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi. Khổ-tập-diệt-đạo trí, và ba Tam-ma-địa cũng vậy.

Bốn tĩnh lự duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục, duyên hữu vi thuộc cõi Sắc, hai bộ thuộc cõi Vô sắc, và biến hành; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, duyên hữu vi thuộc cõi Sắc.

Từ-Bi-Xả vô lượng duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, biến hành thuộc cõi Vô sắc, và do tu mà đoạn, duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc-Vô sắc.

Tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước cũng như vậy.

Hỷ Vô lượng duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc, hai bộ thuộc cõi Vô sắc, cùng với biến hành.

Hai giải thoát đầu, bốn thắng xứ trước cũng như vậy.

Ba vô sắc trước duyên thức và duyên duyên thức, cùng có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc, duyên hữu vi thuộc cõi Vô sắc.

Phi tưởng phi phi tưởng xứ duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, duyên hữu lậu thuộc cõi vô sắc; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc, duyên hữu vi thuộc cõi Vô sắc.

không-Thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ-giải thoát duyên thức và duyên duyên thức, cùng có ba bộ thuộc, bốn bộ thuộc cõi Sắc-Vô sắc.

Hai giải thoát sau và hai biến xứ sau duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi, duyên duyên thức; có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc-vô sắc.

Pháp trí duyên thức, có hai bộ thuộc cõi Dục cùng với biến hành, biến hành thuộc cõi Sắc và do tu mà đoạn; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành thuộc cõi vô sắc, và do tu mà đoạn.

Loại trí duyên thức, có hai bộ và biến hành thuộc cõi Sắc-Vô sắc, biến hành thuộc cõi Dục và do tu mà đoạn; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi sắc-Vô sắc.

Tha tâm trí duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, hai bộ

thuộc cõi Vô sắc, cùng với biến hành; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi.

Ba lớp Tam-ma-địa duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi.

Kiết hữu thân kiến duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi.

Kiết giới cấm thủ duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi, và duyên hữu lậu do kiến đạo mà đoạn; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc ba cõi.

Giới cấm thủ và giới cấm thủ trói buộc thân, kiết giới cấm thủ thuận phần dưới, giới cấm thủ cũng như vậy.

Kiết nghi duyên thức, duyên với hữu lậu; duyên duyên thức, duyên với hữu vi.

Vô minh lậu-bộc lưu-ách-kiến thủ-chấp thật có thân này trói buộc thân, kiết tham-mạn, kiết nghi thuận phần dưới, tà kiến-kiến thủ, ý xúc chạm sinh ra ái thân, tùy miên mạn-vô minh-kiến-nghi, kiết ái-mạn-vô minh-kiến-thủ-nghi cũng như vậy.

Ba căn bất thiện và dục lậu duyên thức, duyên với hữu lậu thuộc cõi Dục, biến hành thuộc cõi Sắc và do tu mà đoạn; duyên duyên thức, duyên với hữu vi thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.

Dục bộc lưu-ách-thủ, hai trói buộc thân trước, trừ ra ố tác còn lại các cái, kiết sân giận hai kiết trước trong kiết thuận phần dưới, tùy miên dục tham-sân giận và kiết giận dữ cũng như vậy.

Hữu lậu duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc-Vô sắc; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, duyên hữu vi thuộc cõi Sắc-Vô sắc.

Hữu bộc lưu-ách, ngã ngữ thủ, tùy miên hữu tham cũng như vậy.

Cái ố tác duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.

Kiết ganh tỵ-keo kiệt, mũi-lưỡi xúc chạm sinh ra ái thân, kiết ganh tỵ-keo kiệt cũng như vậy.

Kiết tham sắc thuận phần trên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, biến hành cho đến do tù mà đoạn thuộc cõi Vô sắc; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Bốn kiết sau trong kiết thuận phần trên duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc-vô sắc.

Nhãn-nhĩ-thân xúc chạm sinh ra ái thân duyên thức, có ba bộ thuộc

cõi Dục-cõi sắc; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục-cõi Sắc, biến hành cho đến do tu mà đoạn thuộc cõi vô sắc.

Tùy miên do kiến khổ-tập và tu mà đoạn thuộc cõi Dục duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.

Tùy miên do kiến diệt mà đoạn cõi Dục duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục và duyên hữu lậu do kiến diệt mà đoạn, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc; duyên duyên thức, duyên với hữu vi thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi vô sắc.

Tùy miên do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, có ba bộ thuộc cõi Dục và duyên hữu lậu do kiến đạo mà đoạn, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc; duyên duyên thức, có bốn bộ thuộc cõi Dục, ba bộ thuộc cõi Sắc, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc.

Tùy miên do kiến khổ-tập và tu mà đoạn thuộc cõi Sắc duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-Sắc, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc-Vô sắc.

Tùy miên do kiến diệt mà đoạn thuộc cõi Sắc duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-Sắc, và duyên hữu lậu do kiến diệt mà đoạn thuộc cõi sắc, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, duyên hữu vi thuộc cõi Sắc, bốn bộ thuộc cõi Vô sắc.

Tùy miên do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục-Sắc, và duyên hữu lậu do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi sắc, biến hành và do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc-vô sắc.

Tùy miên do kiến khổ-tập và tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc-vô sắc.

Tùy miên do kiến diệt mà đoạn thuộc cõi Vô sắc duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi, và duyên hữu lậu do kiến diệt mà đoạn thuộc cõi Vô sắc; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, bốn bộ thuộc cõi Sắc, duyên hữu vi thuộc cõi Vô sắc.

Tùy miên do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Vô sắc duyên thức, có ba bộ thuộc ba cõi, và duyên hữu lậu do kiến đạo mà đoạn thuộc cõi Vô sắc; duyên duyên thức, có ba bộ thuộc cõi Dục, có bốn bộ thuộc cõi Sắc-Vô sắc.